

Phụ lục II
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /01/2025
của UBND tỉnh Nam Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ buồng sơn nhanh số 1.
- Nguồn số 02: Bụi, khí thải phát sinh từ buồng sơn sấy.
- Nguồn số 03: Bụi, khí thải phát sinh từ buồng sơn nhanh số 2.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Dòng khí thải

03 dòng khí thải, cụ thể:

- Dòng khí thải số 01 (tương ứng với nguồn số 01): Sau hệ thống xử lý bụi, khí thải buồng sơn nhanh số 1.
- Dòng khí thải số 02 (tương ứng với nguồn số 02): Sau hệ thống xử lý bụi, khí thải buồng sơn sấy.
- Dòng khí thải số 03 (tương ứng với nguồn số 03): Sau hệ thống xử lý bụi, khí thải buồng sơn nhanh số 2.

2.2. Vị trí xả khí thải

- Dòng khí thải số 01: Tọa độ: X(m) = 2261466; Y(m) = 568411.
- Dòng khí thải số 02: Tọa độ: X(m) = 2261469; Y(m) = 568407.
- Dòng khí thải số 03: Tọa độ: X(m) = 2261476; Y(m) = 568398.

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiều 3⁰)

2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 60.000 m³/h, trong đó:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 20.000 m³/h.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 20.000 m³/h.
- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 20.000 m³/h.

2.4. Phương thức xả khí thải

Cưỡng bức, gián đoạn trong ngày và không theo chu kỳ.

2.5. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu, QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp

đối với bụi và các chất vô cơ (Nồng độ tối đa cho phép của các chất ô nhiễm trong khí thải được tính theo công thức $C_{\max} = C \times K_p \times K_v$, áp dụng hệ số $K_p = 0,9$, $K_v = 0,8$), cụ thể như sau:

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn thông số ô nhiễm			Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B)		QCVN 20:2009 /BTNMT		
			C	C_{\max}			
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	-	-	06 tháng/lần (02 lần/năm) theo đề xuất và cam kết của Công ty	Không thuộc đối tượng lắp đặt
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	144	-		
3	Toluen	mg/Nm ³	-	-	5		
4	Benzen	mg/Nm ³	-	-	750		

Khi có sự thay đổi về các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng thực hiện theo các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Bụi, khí thải phát sinh từ 03 buồng sơn được quạt hút (công suất 18.000 - 24.000 m³/h) thu gom và dẫn về hệ thống xử lý bụi, khí thải.

1.2. Công trình thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Công ty đã đầu tư 03 hệ thống xử lý bụi, khí thải tương ứng với 03 buồng phun sơn với quy trình xử lý giống nhau như sau:

Bụi, khí thải → Miệng hút → Quạt hút → Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính → Ống phông không cao 13 m so với mặt đất (Khí thải đạt QCVN 19:2009/BTNMT (B); QCVN 20:2009/BTNMT)

- Sàn thao tác lấy mẫu, vị trí lỗ kỹ thuật lấy mẫu theo quy định Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Nguyên liệu sử dụng: Than hoạt tính 15 kg/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại Khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên kiểm tra, tiến hành bảo dưỡng định kỳ đối với hệ thống quạt hút để hạn chế tối đa các sự cố liên quan đến quạt hút có thể xảy ra.

- Trường hợp hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố, khí thải sau xử lý không đạt quy chuẩn cho phép, Công ty dừng hoạt động để sửa chữa, khắc phục. Sau khi khắc phục xong sự cố, khí thải xử lý đạt quy chuẩn cho phép mới cho hệ thống xử lý đi vào vận hành trở lại.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Tối đa 06 tháng (dự kiến từ Quý II/2025).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải buồng sơn nhanh số 1.
- Hệ thống xử lý bụi, khí thải và buồng sơn sấy.
- Hệ thống xử lý bụi, khí thải buồng sơn nhanh số 2.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

03 mẫu tại 03 lỗ kỹ thuật trên thân ống phóng không, sau 03 hệ thống xử lý bụi, khí thải của buồng sơn nhanh số 1, buồng sơn nhanh số 2 và buồng sơn sấy.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Như tại mục 2.5 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

- Tần suất lấy mẫu khí thải: Ít nhất 01 ngày/lần tại 03 lỗ kỹ thuật trên thân 03 ống khói của hệ thống xử lý bụi, khí thải buồng sơn nhanh số 1, số 2 và buồng sơn sấy trong 03 ngày liên tiếp (quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Công ty phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Nam Định trong quá trình giám sát vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của thông số ô nhiễm tại mục 2.5 phần A Phụ lục này trước khi thải ra ngoài môi trường. Không được phép xả khí thải chưa qua xử lý ra ngoài môi trường.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải Công ty phải dừng ngay hoạt động của buồng sơn để sửa chữa, khắc phục sự cố và báo cáo bằng văn bản về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Nam Định để kịp thời xử lý./.